

Số: 10/QĐ-VPĐKĐĐ-KT

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020
của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh.

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Căn cứ quyết định số 115/QĐ-STNMT ngày 29/3/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-STNMT ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 cho Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh. (Phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Văn phòng, bộ phận kế toán, các Trưởng, phó phòng, cán bộ viên chức Văn phòng, Chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính
- Sở TN&MT (để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước;
- Lưu:KT,VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cao Sâm

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2020

(Quyết định số 92/QĐ-STNMT ngày 04/3/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	1.755.000.000
1	Lệ phí	500.000.000
	Lệ phí cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà, TS gắn liền với đất	500.000.000
2	Phí	1.255.000.000
	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	800.000.000
	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	40.000.000
	Phí thẩm định Hồ sơ cấp GCN QSD đất	400.000.000
	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc BĐ	15.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	795.000.000
1	Chi sự nghiệp	795.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	795.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.080.000.000
1	Lệ phí	500.000.000
	Lệ phí cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà, TS gắn liền với đất	500.000.000
2	Phí	580.000.000
	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	400.000.000
	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	20.000.000
	Phí thẩm định Hồ sơ cấp GCN QSD đất	160.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.051.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.051.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	

21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	3.051.000.000
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.551.000.000
	Lương và các khoản đóng góp	1.200.000.000
		351.000.000
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500.000.000
	Công tác lưu trữ hồ sơ ngành Tài nguyên và môi trường	250.000.000
	Công tác thẩm định hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiểm soát, kiểm tra thẩm định hồ sơ địa chính	400.000.000
	Mua sawms trang thiết bị phục vụ chuyên môn và kho lưu trữ	100.000.000
	Kiểm kê đất đai năm 2019	600.000.000
	Xây dựng đề án tích tụ, tập trung ruộng đất	100.000.000
	Đề xuất UBND tỉnh chủ trương xây dựng bộ đơn giá thành lập bản đồ địa hình số bằng công nghệ bay chụp máy bay không người lái (UAV) và triển khai thực hiện sau khi có chủ trương của UBND tỉnh	50.000.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	



4